

# MỐI QUAN HỆ VĂN HOÁ ĐÁ CŨ VÀ SƠ KỶ ĐÁ MỚI GIỮA BẮC VIỆT NAM VÀ NAM TRUNG QUỐC

TS. TRINH NĂNG CHUNG

*Viện Khảo cổ*

**Đ**ã từ lâu, dựa vào nhiều nguồn tài liệu khác nhau, các nhà khoa học nhân văn coi khu vực Nam Trung Quốc (Hoa Nam) là một bộ phận khăng khít của Đông Nam Á thời tiền sử.

Giới nghiên cứu khảo cổ Đông Nam Á khi coi vùng Hoa Nam là một khu vực địa lý để nghiên cứu khảo cổ học đã có hai quan điểm chủ yếu. *Quan điểm thứ nhất* cho rằng Hoa Nam là khu vực rộng lớn bao gồm toàn bộ vùng phía nam sông Trường Giang. *Quan điểm thứ hai* khoanh vùng hẹp hơn, chỉ hạn chế Hoa Nam ở khu vực phía Nam dải Lĩnh Nam, tức là vùng Quảng Tây, Quảng Đông và một phần nhỏ tỉnh Vân Nam và Phúc Kiến. Tác giả bài viết này theo quan điểm thứ hai, do vậy những tài liệu trong khu vực nói trên được chú trọng.

Xét về góc độ cảnh quan tự nhiên, vùng Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc cùng chung một hệ thống sinh thái. Đặc

điểm này góp phần không nhỏ tạo nên những đặc trưng văn hoá gần gũi giữa hai vùng trong suốt thời tiền sử và sơ sử.

Giáo sư Bùi Văn Trung là người đầu tiên đặt cơ sở cho việc nghiên cứu mối quan hệ văn hoá giữa một số di tích hang động Nam Trung Quốc với văn hoá thời đại đá Việt Nam. Năm 1935, sau khi phát hiện được 4 di chỉ hang ở huyện Quế Lâm và Vũ Minh tỉnh Quảng Tây, ông cho rằng những di tích này mang nhiều đặc trưng gần gũi với những di tích Hoà Bình, Bắc Sơn ở Bắc Đông Dương, nơi phổ biến những kỹ nghệ hạch cuội được ghè đẽo một mặt (20).

Từ đó đến nay, tư liệu khảo cổ học tiền sử ở vùng Hoa Nam, Việt Nam và cả vùng Đông Nam Á càng phong phú. không ít nhà khảo cổ học Việt Nam khi nghiên cứu văn hoá tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á đã đề cập đến mối quan hệ giữa Việt Nam, Đông Nam Á với khu vực Hoa Nam.

Trên cơ sở so sánh, đối chiếu những tư liệu khảo cổ học hiện có ở Nam Trung Quốc với các giai đoạn văn hoá tiền sử Việt Nam, chúng tôi cố gắng nêu lên những đặc trưng văn hoá gần gũi cũng như mối quan hệ văn hoá giữa hai vùng.

### 1. Giai đoạn sơ kỳ đá cũ

Cho đến nay, Bách Sắc vẫn được coi là văn hoá có niên đại cổ nhất khu vực Nam Trung Quốc. Những di vật đá đầu tiên của nền văn hoá này được biết đến từ cuối năm 1973, với 11 công cụ đầu tiên phát hiện trên thềm III và IV của sông Hữu ở thôn Thượng Tống, huyện Bách Sắc, tỉnh Quảng Tây. Lúc đầu, dựa vào loại hình và kỹ thuật chế tác cũng như vị trí phát hiện các di vật, các nhà khảo cổ học Trung Quốc xếp chúng vào hậu kỳ đá cũ (16).

Từ đó cho đến những năm 90 của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ học Trung Quốc đã tiến hành nhiều đợt điều tra, thám sát, khai quật nhiều địa điểm của nền văn hoá này. Cho đến nay đã thu lượm được hơn 8000 hiện vật ở gần 100 địa điểm phân bố dọc đôi bờ sông Hữu ở 5 huyện Bách Sắc, Điền Đông, Điền Dương, Bình Quả và Điền Lâm (10).

Đặc trưng nổi bật của bộ sưu tập Bách Sắc là loại hình công cụ rìu tay, công cụ chặt mũi nhọn, công cụ chặt thô và công cụ nạo được làm từ đá cuội có kích thước lớn. Kỹ thuật chế tác chủ yếu là ghè trên một mặt cuội, kỹ thuật ghè hai mặt cũng chiếm vị trí đáng kể trong sưu tập.

Do không phát hiện được hoá thạch người và động vật, nên việc xác định niên đại văn hoá Bách Sắc giữa các nhà khảo cổ học Trung Quốc rất khác nhau. Gần đây, qua nhiều lần khảo sát địa tầng các bậc thềm, phần lớn các nhà nghiên cứu đều cho những công cụ Bách Sắc nằm trong lớp đất đỏ gạch ở thềm bậc III sông Hữu có tuổi trung kỳ Cảnh Tân; tương đương với di chỉ Chu Khẩu Điểm, và xếp nền văn hoá này thuộc sơ kỳ thời đại đá cũ. (12;13).

Mới đây, các nhà khảo cổ học Quảng Đông đã phát hiện được 38 địa điểm chứa đồ đá cũ ở bậc thềm sông cổ II và III lưu vực sông Châu Giang. Theo đoán định bước đầu, các địa điểm trên có niên đại sơ kỳ đá cũ, có tuổi từ 150.000 năm đến 500.000 năm cách nay (23). Theo chúng tôi thì những công cụ ở Quảng Đông có nhiều đặc điểm khác với đồ đá Bách Sắc, và tuổi của các di tích này cũng cần được thảo luận thêm.

Một số nhà khảo cổ học Việt Nam ngay từ khi nền văn hoá Bách Sắc mới phát hiện đã liên hệ chúng với nền văn hoá Sơn Vi (8). Gần đây một số tác giả cũng nhận ra nhiều nét văn hoá gần gũi giữa văn hoá Bách Sắc và kỹ nghệ đá ở di chỉ Đồi Thông ở tỉnh Hà Giang, một tỉnh cực Bắc nước ta (19; 26).

Di tích Đồi Thông phân bố trên địa phận phường Trần Phú, thị xã Hà Giang, ở vị trí tọa độ 105° 00' kinh Đông và 22° 34' vĩ Bắc, cách địa điểm Bách Sắc khoảng 150 km theo đường chim bay về phía Tây Nam.

Toàn bộ di tích Đồi Thông nằm trên bậc thềm sông cổ, có thể là thềm bậc II của sông Lô. Nghiên cứu tài liệu địa tầng di chỉ Đồi Thông cho thấy những công cụ cuội ghè đẽo thô sơ phân bố trên bề mặt nền đá phiến và trong lớp đất đỏ nâu, dưới lớp phù sa sông màu vàng. Nền đá phiến được xem như bề mặt có tuổi Cánh tân sớm (Early Pleistocene). Và như vậy, công cụ cuội ghè đẽo Đồi Thông nằm trong địa tầng có tuổi địa chất thuộc trung kỳ Cánh tân muộn, đầu hậu kỳ Cánh Tân sớm (late Middle Pleistocene- early Late Pleistocene), cách nay trên dưới một trăm nghìn năm. Điều đáng lưu ý là, tầng đất chứa công cụ cuội ghè đẽo ở Đồi Thông không còn vết tích than tro, tàn tích động thực vật.

Về địa hình cảnh quan khu vực Đồi Thông gần giống với địa hình sinh thái khu vực văn hoá Bách Sắc. Đó là dạng địa hình đồi gò núi đất, xen kẽ là những dải núi đá vôi với những dải đất bãi soi chạy dài dọc theo những con sông lớn.

Hiện vật di chỉ Đồi Thông duy nhất là đồ đá. Tổng số hiện vật thu thập ở đây là 846 tiêu bản bao gồm những công cụ lao động như cuốc tay hình mũi nhọn, công cụ chặt đập thô sơ, nạo cắt v.v... Kỹ thuật gia công đá chủ đạo ở sưu tập Đồi Thông là kỹ thuật ghè đẽo, không có kỹ thuật mài, cưa, khoan.

Sưu tập Đồi Thông và sưu tập Bách Sắc có một số đặc điểm gần gũi nhau như đều sử dụng những hòn cuội to và nặng để làm công cụ; ít công cụ mảnh

tước. Trong hai sưu tập, loại hình công cụ mũi nhọn, công cụ chặt rìa lưỡi ngang giống nhau về kiểu dáng và cách thức chế tác. Điều đáng chú ý là cả hai sưu tập đều có một số lượng hiếm hoi công cụ mang dấu ấn kỹ thuật ghè một mặt chung quanh viên cuội.

Ngoài những điểm giống nhau, còn tồn tại một vài điểm khác nhau giữa hai sưu tập. Trong sưu tập Đồi Thông rất hiếm loại rìu tay, trong khi ở Bách Sắc, rìu tay được xem như một loại hình tiêu biểu. Trong sưu tập Bách Sắc, kỹ thuật ghè đẽo hai mặt chiếm vị trí đáng kể, còn ở Đồi Thông kỹ thuật này rất ít được sử dụng.

Từ phân tích, so sánh trên có thể dự đoán niên đại di tích Đồi Thông tương đương hoặc muộn hơn chút ít so với văn hoá Bách Sắc. Bước đầu, chúng tôi cho rằng, có thể Bách Sắc (Quảng Tây) và Đồi Thông (Hà Giang) là hai trung tâm đá cũ, đá cuội ghè đẽo sớm nhất Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Cũng không loại trừ khả năng 2 trung tâm này phát triển đồng quy và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Việc nghiên cứu sưu tập công cụ đá và xác định niên đại cho cả hai di tích Đồi Thông và Bách Sắc còn cần tiếp tục nhiều hơn nữa song mối quan hệ giữa chúng là có thể nhận ra.

Mặt khác, chúng ta cần chú ý đến vai trò của dòng sông Lô có khởi nguồn từ vùng rừng núi Tây Nam Trung Quốc chính là một trong những nhân tố tự nhiên tạo nên mối quan hệ đó.

## 2. Giai đoạn hậu kỳ đá cũ

2.1. Cho đến nay, theo những tài liệu khảo cổ học hiện biết ở khu vực Lương Quảng đã phát hiện được hàng chục di tích có niên đại hậu kỳ đá cũ, trong đó nhiều di tích đã được khai quật.

Căn cứ vào đặc điểm phân bố có thể chia các di tích này thành 2 loại hình: Loại hình hang động, mái đá và loại hình đồi gò thêm sông. Trong số các di tích trên đáng chú ý là những di tích hang Bạch Liên Động (h. Liễu Châu) (1;21) hang Định Mô (h. Diên Đông) (22), hang Bảo Tích Nham (t/p Quế Lâm) (29) thuộc tỉnh Quảng Tây và hang Độc Thạch Tử (h. Dương Xuân)(14) thuộc tỉnh Quảng Đông v.v... Những địa điểm này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc nghiên cứu sự chuyển biến văn hoá từ thời đại đá cũ sang thời đại đá mới, cũng như sự chuyển biến khí hậu cổ ở khu vực Nam Trung Quốc và Đông Nam Á.

Vết tích cư trú và hoạt động kiếm sống của cư dân hậu kỳ đá cũ ở Hoa Nam được biết hiện nay là những thành tạo tầng văn hoá màu vàng xám và màu nâu, dày trên 1 mét, có địa điểm dày trên 2 mét, chứa xương cốt động vật thể Cánh Tân thuộc phức hệ Ailuropoda-Stegodon, vỏ các loài nhuyễn thể sống trong môi trường cạn hoặc sông suối, cùng với các vết tích bếp, di cốt người *Homo sapiens sapiens*, đặc biệt là tổ hợp công cụ bằng đá, bằng xương và những di vật khác.

Một bộ phận chủ yếu của cư dân hậu kỳ đá cũ Nam Trung Quốc sinh sống trong các hang động đá vôi hoặc dưới các mái đá, triển khai các hoạt động kiếm ăn trong các vạt rừng thêm sông, con suối thuộc các thung lũng karst. Một bộ phận nhỏ cư dân thời kỳ này sinh tụ trên các đồi gò có nguồn gốc thêm phù sa cổ. Hoạt động kinh tế chính của họ là săn bắt hái lượm.

Đặc trưng văn hoá nổi bật của các di tích hậu kỳ đá cũ Hoa Nam là thuộc về tổ hợp công cụ đá. Công cụ xương đã xuất hiện nhưng không đóng vai trò đáng kể. Nguồn nguyên liệu chính để chế tác là cuội sông suối, chất liệu đa dạng có ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ thuật và hình dáng công cụ. Trong giai đoạn hậu kỳ đá cũ ở Nam Trung Quốc có 2 dòng kỹ nghệ chế tác công cụ cùng tồn tại: Đó là dòng kỹ nghệ mảnh lược kiểu Bạch Liên Động (1; 21) và kỹ nghệ cuội ghè kiểu Bảo Tích Nham (29).

Địa điểm Bạch Liên Động ở ngoại vi thành phố Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Hang được khai quật nhiều lần vào các năm 1973, 1981 và 1982. Địa tầng trầm tích hang dày hơn 2 mét. Mặt cắt địa tầng phía Đông có 8 lớp, còn phía Tây có 10 lớp. Lớp 7 phần Đông và lớp 2 phần Tây là ranh giới trầm tích giữa Pleistocene ở dưới và Holocene ở trên. Di chỉ được chia thành 5 tầng văn hoá, 2 tầng dưới với những công cụ mảnh lược. Đó là tầng 5, gồm lớp 7 và 5 thuộc mặt cắt Tây, có hoá thạch động vật đã tuyệt

chủng, không vỏ ốc, niên đại C14 là  $28.000 \pm 2.000$  BP. Tầng 4 (gồm lớp 4 phía Tây) chứa ít ốc, có công cụ mảnh tước tu chỉnh, có mũi tên khá hoàn chỉnh. Niên đại C14 là  $19.910 \pm 180$  BP và  $21.575 \pm 150$  BP.

Các nhà khoa học Trung Quốc cho rằng trong giai đoạn kỹ nghệ mảnh Bạch Liên Động phát triển, khí hậu khá khô và lạnh (21)

Trong kỹ nghệ mảnh Bạch Liên Động, đã xuất hiện kỹ thuật tách mảnh tước từ hạch đá, đáng lưu ý là kỹ thuật tách mảnh ở Bạch Liên Động khá đặc biệt tạo ra phong cách kỹ thuật riêng của kỹ nghệ mảnh vùng này. Việc gia công và tu chỉnh được sử dụng cả 2 phương pháp: ghè nhẹ trực tiếp và tu chỉnh ép. Loại hình công cụ đặc trưng nhất là những mũi nhọn, dao, nạo, v.v... Xem xét khuynh hướng phát triển của kỹ nghệ mảnh cho thấy sự hoà hợp của chúng vào con đường phát triển công cụ cuội ghè ở giai đoạn cuối hậu kỳ đá cũ.

Cùng phong cách kỹ nghệ với Bạch Liên Động có di tích Lý Ngư Chuỷ (giai đoạn văn hoá I)

Di tích hang Bảo Tích Nham ở huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây. Địa điểm này được khai quật năm 1979, trầm tích gồm 3 lớp: Lớp trên cùng phủ thạch nhũ rắn chắc, niên đại C14 là  $24.760 \pm 900$  BP; lớp giữa đất sét với kết dính màu vàng, không vỏ ốc, chứa dăm đá vôi, di vật khảo cổ và di cốt người; niên đại C14:  $35.600 \pm 1500$  BP. Dưới cùng là lớp sét vàng mềm,

mịn, gặp hoá thạch *Homo sapiens sapiens*; phức hệ động vật *Ailuropoda-Stegodon* cùng 12 di vật đá (29).

Kỹ thuật chế tác đặc trưng nhất trong kỹ nghệ cuội ghè kiểu Bảo Tích Nham là ghè trực tiếp trên một mặt cuội, theo một hướng và hạn chế ở rìa cạnh viên cuội, giữ lại tối đa vỏ cuội tự nhiên, không phổ biến kỹ thuật bổ và chặt bẻ cuội. Loại hình công cụ đặc trưng là công cụ chặt thô và vạo có rìa lưỡi ngang hoặc dọc viên cuội. Không phát triển kỹ thuật gia công mảnh tước làm công cụ.

Cùng chung truyền thống với Bảo Tích Nham có các di tích: Định Mô, Động Nham, Cái Đầu, hang Trâu, Trần Gia Nham, Hang Oải, cụm di tích Hạ Loan, Ngư Phần Xung (Quảng Tây), Độc Thạch Tử, Hoàng Nham Động, Khuất Cái Nham, La Kết Nham, Đại Sa Nham và Chu Thất Nham (Quảng Đông)(24).

Trong các di chỉ này, chúng ta có thể nhận thấy nhiều đặc trưng văn hoá gần gũi với nền văn hoá Sơn Vi ở Việt Nam.

2.2. Ở Việt Nam, trong giai đoạn hậu kỳ đá cũ cũng tồn tại 2 dòng kỹ nghệ chế tác công cụ đá: Kỹ nghệ Ngườm tiêu biểu cho dòng kỹ nghệ mảnh và văn hoá Sơn Vi đại diện cho dòng kỹ nghệ cuội ghè dẽo.

- Kỹ nghệ Ngườm, lần đầu tiên được biết đến ở tỉnh Thái Nguyên, trong đó có 2 di tích tiêu biểu là di chỉ Mái đá Ngườm và hang Miệng Hổ (7).

Di chỉ Mái đá Ngườm được phát hiện và đào thám sát năm 1980. Liên tiếp trong 2 năm 1981 và 1982, di chỉ được khai quật với quy mô lớn.

Địa tầng văn hoá của di chỉ Ngườm dày 1,45 m, được chia làm 3 tầng văn hoá phát triển kế tiếp nhau từ sớm đến muộn như sau:

Tầng văn hoá I ở độ sâu 1,20- 1,45m, là tầng đất sét vôi màu vàng nhạt chứa một tổ hợp công cụ gồm chủ yếu là những mũi nhọn, dao, nạo làm từ những mảnh tước cuối cùng một ít công cụ hạch cuội. Xương răng động vật ở đây đều bán hoá thạch, gồm đuôi ươi *Pongo sp.*, lợn *Sus scrofa*, nai *Rusa sp.*, nhím *Hystrix*... Niên đại C14 lấy ở nơi giáp ranh giữa tầng I và tầng II có tuổi  $23.000 \pm 200$  BP. Như vậy tầng văn hoá I có tuổi cổ hơn 23.000 năm cách nay.

Tầng văn hoá II ở độ sâu từ 0,60-1,20 m, được cấu tạo từ đất sét vôi hơi xốp màu xám nhạt chứa xương răng động vật chỏm hoá thạch như đuôi ươi *Pongo sp.*, bò *Bos sp.*, lợn *Arctonyx collanis*, khỉ *Macaca sp.v.v.* Đã xuất hiện nhiều vỏ ốc núi, ít ốc suối. Công cụ đá khá phong phú, mảnh tước nhiều, song công cụ mảnh tước giảm nhiều so với giai đoạn trước. Công cụ ghè đẽo tăng lên. Tầng này có tuổi C14 là 23.000 năm cách nay.

Tầng văn hoá III, có độ dày trung bình 0,60 m là lớp đất sét vôi hơi xốp, màu xám xẫm, chứa nhiều vỏ nhuyễn thể chủ yếu là ốc suối, một ít xương răng

động vật và nhiều di vật đá. Niên đại C14 tầng này ở độ sâu 0,60 m là  $19.040 \pm 400$  BP và  $18.600 \pm 200$  BP.

Nhìn chung, 3 tầng văn hoá ở Ngườm phát triển liên tục, không bị ngăn cách bởi tầng vô sinh, nhưng có sự thay đổi khá rõ trong tổ hợp di vật và thành phần động vật từ Cánh Tân muộn đến đầu Toàn Tân.

Về tầng văn hoá dưới cùng (tầng I), các nhà nghiên cứu cho rằng tổ hợp di vật ở đây đặc trưng cho kỹ nghệ ít nhiều phân biệt với kỹ nghệ mảnh tước ở Đông Nam Á và chúng tạo nên một kỹ nghệ với đặc thù riêng: Kỹ nghệ Ngườm thuộc hậu kỳ đá cũ, có tuổi sớm hơn văn hoá Sơn Vi (7).

Diện mạo cơ bản của kỹ nghệ Ngườm được nhận biết bởi vai trò chủ thể của công cụ mảnh và của những kỹ nghệ chế tác mảnh. Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, kỹ nghệ Ngườm có thể so sánh được với kỹ nghệ Bạch Liên Động ở Quảng Tây (5).

Trong kỹ nghệ Ngườm và Bạch Liên Động, ngoài số lượng lớn công cụ mảnh tước, còn tồn tại một số lượng nhất định công cụ hạch cuội, chúng đều là sản phẩm của kỹ thuật chế tác giống nhau. Xem xét diễn biến của loại hình công cụ, ta thấy cả hai nơi kỹ nghệ công cụ mảnh phát triển mạnh ở giai đoạn sớm nhưng suy giảm ở giai đoạn sau, thay vào đó là sự tăng trưởng dần của công cụ hạch cuội. Điểm kết thúc chung là sự hoà nhập vào con đường phát triển công cụ

hạch cuội. Hoạt động kiếm sống của cư dân Ngườm và Bạch Liên Động chủ yếu là săn bắt và hái lượm. Sự có mặt của những công cụ mũi nhọn nhỏ, đầu mũi tên bằng mảnh tước tìm thấy ở cả hai nơi là minh chứng cho sự phát triển của hoạt động săn bắt. Đối tượng săn bắt là những giống loài động vật hậu kỳ Cánh Tân bao gồm cả những giống loài đã bị tuyệt tích hay tuyệt diệt như đuôi uơi Pongo (ở Ngườm), voi răng kiếm Stegodon, gấu tre Ailuropoda, tê giác Rhinoceros, (ở Bạch Liên Động).

Qua so sánh tài liệu giữa kỹ nghệ Ngườm và kỹ nghệ Bạch Liên Động từ nhiều góc độ khác nhau như : không gian cư trú và kiếm sống, điều kiện khí hậu, đặc trưng kỹ nghệ, xu hướng phát triển và niên đại, chúng tôi cho rằng: Kỹ nghệ Ngườm và kỹ nghệ Bạch Liên Động là những kỹ nghệ mảnh tước có tuổi hậu kỳ Cánh Tân, xuất hiện trong điều kiện khí hậu khô lạnh. Giữa chúng có nhiều điểm tương đồng về diện mạo văn hoá và xu hướng phát triển của kỹ nghệ, về phương thức kiếm sống v.v... Điều này phản ánh giữa chúng có mối quan hệ gần gũi. Phải chăng do hoàn cảnh địa lý liền kề nhau và cùng chịu ảnh hưởng môi trường khí hậu như nhau, các cư dân Ngườm và Bạch Liên Động có chung một kiểu thích nghi với môi trường tự nhiên và một hệ quả tất nhiên là trong hành vi công cụ thể hiện mối tương đồng giữa kỹ nghệ Ngườm và Bạch Liên Động.

Mặt khác, cư dân cổ Ngườm và Bạch Liên Động do có tính di động cao và sống trong một vùng rộng có điều kiện sinh thái khí hậu gần giống nhau thì không có trở ngại nào ngăn cản việc giao lưu, trao đổi văn hoá giữa các bộ lạc, các miền đất xa nhau khi mà nhu cầu hoạt động săn bắt, hái lượm còn đóng vai trò quan trọng.

- Văn hoá Sơn Vi là văn hoá khảo cổ có niên đại hậu kỳ đá cũ, thuộc kỹ nghệ cuội ghè và là cội nguồn của văn hoá Hoà Bình. Niên đại văn hoá Sơn Vi tồn tại trong khung niên đại từ gần 30.0000 năm đến 11.000 năm cách nay. Đến nay có hơn 200 địa điểm văn hoá Sơn Vi được phát hiện ở Việt Nam (9).

Cư dân văn hoá Sơn Vi là những người săn bắt hái lượm. Họ sinh cư rộng rãi trên các thềm sông cổ các con sông lớn, trên các vùng đồi gò miền trung du hoặc trong một số hang động đá vôi, kéo dài từ các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, đến các tỉnh Trung Bộ. Trong một số hang động văn hoá Sơn Vi, các di tích hoá thạch động vật đều thuộc quần động vật Ailuropoda- Stegodon giống như vùng Hoa Nam đương thời.

Văn hoá Sơn Vi có diện mạo riêng, đặc thù riêng, phân biệt với các văn hoá cuội khác trong khu vực.

Điểm nổi bật trong tổ hợp công cụ đá văn hoá Sơn Vi là việc sử dụng đá cuội sông suối để chế tác công cụ. Kỹ thuật duy nhất của người Sơn Vi là ghè đẽo đá để chế tác công cụ. Người Sơn Vi sử dụng

tối đa hình dáng tự nhiên của hòn cuội để ghè một lớp, hay nhiều lớp tạo một rìa tác dụng hay nhiều rìa tác dụng. Kỹ thuật chế tác đặc trưng nhất là ghè trực tiếp hướng tâm, ghè hạn chế ở rìa cạnh viên cuội và trên một mặt cuội, giữ lại phần lớn vỏ cuội. Không phát triển gia công công cụ mảnh tước.

Loại hình công cụ Sơn Vi khá phong phú và đa dạng. Chúng bao gồm chủ yếu những hòn cuội được ghè theo chiều dọc, phần hai chiều dọc, chiều ngang, hai đầu hoặc xung quanh tạo thành loại hình múi cam, hình dẻ quạt, phần tư viên cuội, công cụ mũi nhọn. Hoàn toàn vắng mặt công cụ mài lưỡi kiểu Bắc Sơn và công cụ mảnh tước kiểu Ngườm.

Trong thời kỳ đầu nghiên cứu văn hoá Sơn Vi, một số nhà nghiên cứu đã liên hệ những công cụ tìm thấy ở một số hang động Nam Trung Quốc với văn hoá Sơn Vi. Chẳng hạn như ở Kỳ Lân Sơn, huyện Lai Tân tìm thấy 1 công cụ rìa lưỡi dọc và 2 mảnh tước làm từ đá quartzite. kỹ thuật gia công thô sơ, tập trung ở một rìa cạnh viên cuội tạo thành rìa lưỡi sắc, niên đại hậu kỳ đá cũ. Công cụ Kỳ Lân Sơn rất giống công cụ dạng múi bưởi của văn hoá Sơn Vi. Ở vùng Đông Bắc Quảng Tây trong di chỉ khảo cổ học đá cũ hang số 6142 đã tìm thấy công cụ kiểu Sơn Vi trong tầng chứa hoá thạch quần động vật Ailuropoda- Stegodon(8).

Như chúng ta đã biết, những so sánh này là dựa vào những phát hiện lẻ tẻ từ trước thập kỷ 70 với số lượng di vật ít,

chưa được nghiên cứu có hệ thống. Cho đến nay với số lượng hàng chục di tích trong đó có nhiều di tích đã được khai quật, chúng ta có điều kiện hơn để đối sánh và phân tích mối quan hệ giữa hai vùng.

So sánh những đặc trưng văn hoá giữa văn hoá Sơn Vi và kỹ nghệ cuội ghè ở Nam Trung Quốc chúng tôi nhận thấy giữa chúng tồn tại nhiều điểm tương tự nhau về đặc điểm phân bố, cũng như kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ.

Gần đây, khi tiếp cận với các sưu tập đồ đá ở Bảo tàng Quảng Tây, chúng tôi nhận thấy di vật ở sưu tập Bảo Tích Nham, Hang Trâu, Ngưu Phần Xung và nhóm di tích Hạ Loan có nhiều nét gần gũi với công cụ đá Sơn Vi. Những công cụ cuội ở Độc Thạch Tử ở Dương Xuân. Quảng Đông mang đậm dấu ấn của phong cách kỹ nghệ Sơn Vi.

Nhìn chung vùng Lương Quảng Trung Quốc có nhiều di tích chứa di đồ đồ đá giống công cụ đặc trưng của văn hoá Sơn Vi. Những tư liệu trên cho phép chúng ta nghĩ đến sự hiện diện của di tích Sơn Vi trên đất Nam Trung Quốc.

### 3. Giai đoạn sơ kỳ đá mới

Văn hoá Hoà Bình được phát hiện, nghiên cứu gần một thế kỷ. Đây là hiện tượng độc đáo, phức tạp trong thời đại đá ở Việt Nam và Đông Nam Á. Trong suốt thời gian qua, nhờ những phát hiện mới ở Việt Nam cũng như trong khu vực, nhận thức của chúng ta về diện mạo văn hoá này ngày càng sáng tỏ.



Cho đến nay, trên 140 di tích thuộc văn hoá Hoà Bình được biết đến ở Việt Nam, trong đó có nhiều địa điểm đã được khai quật và nghiên cứu có hệ thống.

Địa bàn phân bố của các di tích văn hoá Hoà Bình chủ yếu tập trung trong vùng núi đá vôi các tỉnh phía Bắc, trong các hang động hoặc mái đá; di chỉ ngoài trời thêm sông, thêm suối rất ít. Đáng chú ý là đã tìm thấy di tích Hoà Bình ở vùng sát biên giới phía Bắc. Đặc điểm nổi bật của tầng văn hoá Hoà Bình là tầng đất sét vôi xen lẫn vỏ các loài nhuyễn thể, cùng tàn tích xương động vật, than tro, di cốt người và di vật đá. Lớp sét vôi này có độ gắn kết yếu, phần lớn là loại tích tụ bờ rời, tơi xốp có tuổi sau Cánh Tân (Post Pleistocene).

Đặc trưng nổi bật của văn hoá Hoà Bình là thuộc về tổ hợp di vật gồm đồ đá, đồ xương và đồ gốm. Trong đó chủ yếu là di vật đá. Chủ nhân văn hoá Hoà Bình đã sử dụng cuội sông, suối để chế tác công cụ. Thủ pháp kỹ thuật đặc trưng là ghè một mặt, ghè xung quanh hướng tâm viên cuội, đó là kỹ thuật Sumatralith. Kỹ thuật mài công cụ đá đã được sử dụng, nhưng không phát triển. Tổ hợp công cụ đá văn hoá Hoà Bình phong phú và ổn định trong một số loại hình đặc trưng như những công cụ có hình hạnh nhân, hình đĩa, hình ô van (công cụ Sumatralith), hình tam giác, và rìu ngắn. Đồ gốm đã có trong giai đoạn muộn của văn hoá Hoà Bình tuy số lượng ít.

Đặc điểm nổi bật trong phương thức mai táng của người Hoà Bình là mộ chôn trong hang động nơi cư trú, người chết được chôn trong tư thế nằm co bó gối hoặc nằm thẳng. Qua các tài liệu cổ nhân phát hiện trong văn hoá Hoà Bình cho thấy dạng australo-Mongoloid, một dạng còn giữ khá nhiều đặc điểm nguyên hình chưa phân hoá rõ tồn tại khá lâu trong giai đoạn đá mới sơ kỳ (11). Tình hình này cũng tương tự như vùng Nam Trung Quốc

Trong cơ cấu thức ăn của dân cư thời kỳ này, động vật nhuyễn thể, thuỷ sinh và thực vật bắt đầu từng bước chiếm tỷ lệ cao và việc săn bắn động vật loại lớn có thể đã giảm sút. Đến giai đoạn Hoà Bình phát triển, nền kinh tế trồng trọt đã xuất hiện nhưng còn ở trạng thái manh nha, sơ khai.

Đến nay phần lớn các nhà nghiên cứu đều thừa nhận văn hoá Hoà Bình nằm vắt ngang từ thế Cánh Tân sang thế Toàn Tân với tuổi tuyệt đối từ 17.000 năm đến 8.000 năm cách ngày nay. Với một khung niên đại như trên, văn hoá Hoà Bình tương ứng với giai đoạn muộn của hậu kỳ đá cũ và sơ kỳ đá mới ở Hoa Nam. Đây cũng là thời kỳ không có những biến đổi lớn về môi trường. Về cơ bản cũng gần giống như hiện nay, nóng ẩm mưa nhiều (11).

Ở Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã chứng minh trong truyền thống kỹ thuật cuội ghè ở Bắc Việt Nam có diễn ra bước

phát triển theo trật tự “ Sơn Vi- Hoà Bình”.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa kỹ nghệ cuội ghè hậu kỳ đá cũ Nam Trung Quốc với văn hoá Sơn Vi, chúng tôi cho rằng đã có sự hiện diện của văn hoá Sơn Vi ở Nam Trung Quốc. Ở đây, vấn đề được đặt ra liệu trong truyền thống kỹ nghệ cuội ghè từ hậu kỳ đá cũ đến sơ kỳ đá mới Hoa Nam có bước phát triển “Hòa Bình” hoá như ở Bắc Việt Nam không? Để làm rõ vấn đề này, chúng ta hãy trở lại với tư liệu vùng Nam Trung Quốc.

Ở Nam Trung Quốc, giai đoạn sơ kỳ đá mới mở đầu vào khoảng trên dưới 10.000 năm cách nay, trùng hợp với sự mở đầu của thế Toàn Tân. Trước đây giữa các nhà khảo cổ học Trung Quốc có cuộc thảo luận lớn về vấn đề có hay không giai đoạn đá giữa nằm xen kẽ giữa thời đại đá cũ và thời đại đá mới ở Nam Trung Quốc. Hiện nay quan điểm cho rằng thời đại đá mới phát triển trực tiếp từ thời đại đá cũ, không trải qua giai đoạn đá giữa được khá nhiều nhà khảo cổ học Trung Quốc chấp nhận. Gần đây có học giả coi tất cả các di tích có niên đại sau đá cũ đều là những di tích epipaleolithic (30).

Cho đến nay, ở Hoa Nam đã phát hiện hơn 100 di tích sơ kỳ đá mới, trong đó có nhiều di tích được khai quật với quy mô lớn.

Địa điểm hang Tầng Bì Nham ở Quảng Tây được xem là di chỉ thời đại đá

mới sớm nhất và điển hình ở khu vực Hoa Nam. Tại đây, các nhà khảo cổ học Trung Quốc không chỉ phát hiện được những chứng cứ liên quan đến canh tác nông nghiệp như rìu đá mới, đồ gốm v.v... mà còn phát hiện được xương lợn đã được thuần dưỡng trong tầng văn hoá có niên đại khoảng 10.000 năm cách nay(28).

So với các di tích hậu kỳ đá cũ thì diện phân bố của các di tích sơ kỳ đá mới đã mở rộng hơn nhiều. Vào thời kỳ này, con người không chịu bó hẹp không gian sống trong những thung lũng đá vôi mà đã sinh tụ ở những dải đồng bằng trước núi. Và đặc biệt hơn cả là đã có mặt ở vùng duyên hải, đánh dấu sự tiếp xúc lớn đầu tiên của con người với biển cả. Các di tích có cấu tạo tầng văn hoá độ dày mỏng khác nhau nhưng có chung đặc điểm là sự phong phú về các loại nhuyễn thể. Đặc trưng văn hoá nổi bật của các di tích sơ kỳ đá mới vùng Hoa Nam được thể hiện qua lối hợp công cụ đá, công cụ xương và đồ gốm.

Có thể coi kỹ nghệ đá ở thời kỳ này là sự kế tục của dòng kỹ nghệ cuội ghè từ hậu kỳ đá cũ. Về kỹ thuật chế tác đá, đại thể các cư dân sơ kỳ đá mới Nam Trung Quốc vẫn duy trì cách ghè dẽo truyền thống. Đó là ghè hạn chế trên một rìa cuội và trên một mặt cuội. Kỹ thuật ghè dẽo xung quanh hướng tâm (kỹ thuật Sumatralith) rất ít phổ biến. Có thể nói, những công cụ cuội sơ kỳ đá mới ở vùng

này cả về hình dáng lẫn kỹ thuật chế tác còn mang dáng dấp của những công cụ đá cũ. Có người gọi đó là “văn hoá kế tục hình dáng đồ đá cũ”(15).

Cũng có một số ít di chỉ như hang Tiên Nhân Động (lớp dưới), Tầng Bi Nham (lớp dưới), Hoàng Nham Động bên cạnh những công cụ ghè truyền thống đã xuất hiện một số lượng ít công cụ hình đĩa, hoặc bầu dục dạng Hoà Bình được tạo từ các hòn cuội mỏng, dẹt có hình ô van hoặc gần tròn, rìa lưỡi chiếm gần hết chu vi hòn cuội (24). Đặc trưng di vật đồ đá giống với văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn dùng đá cuội để chế tác công cụ. Loại hình công cụ đá còn khá thô sơ, ghè dẽo rìa tác dụng là chủ yếu. Tuy nhiên, so sánh với đồ đá văn hoá Hoà Bình điển hình thì thấy chúng không hoàn toàn giống bởi loại hình công cụ kiểu Sumatra, loại rìu ngắn ở các di tích nói trên thật hiếm hoi. Nhìn chung sự có mặt hiếm hoi của công cụ Sumatralith trong các di tích đá mới sơ kỳ Nam Trung Quốc là điều cần chú ý.

Theo giáo sư Hà Văn Tấn, công cụ kiểu Sumatra hay Sumatralith được ghè dẽo một mặt là loại hình biểu trưng kỹ nghệ Hoà Bình. Sumatralith không những là công cụ điển hình của văn hoá Hoà Bình mà còn là biểu hiện một kỹ thuật chế tác đặc biệt, có thể gọi là kỹ thuật Sumatralith. Do vậy không thể gọi là di tích Hoà Bình nếu không có Sumatralith (6). Những tài liệu từ Tầng

Bi Nham, Độc Thạch Tử, Hoàng Nham Động, Khuất Cái Nham..., cho thấy chúng có thể thuộc về một kỹ nghệ “giống Hoà Bình” (like Hoabinh) hơn là một Hoà Bình đặc trưng. Nhà khảo cổ học W. Meacham gọi nhóm di tích đó là một “Chồi nhánh của nền gốc Hoà Bình” (outgrows of Hoa Binh Substratum) (18).

Có thể trong truyền thống kỹ thuật cuội ghè từ hậu kỳ đá cũ đến sơ kỳ đá mới ở Nam Trung Quốc, bước phát triển “ Hoà Bình hoá” chỉ hạn chế ở một vài nơi nào đó, bằng chứng là sự có mặt của một vài chiếc rìu Hoà Bình ở một số di chỉ nói trên.

Kỹ thuật mài đá ở Nam Trung Quốc đã xuất hiện từ giai đoạn muộn của hậu kỳ đá cũ, nhưng đến giai đoạn này đã phát triển rất nhanh chóng với sự phổ biến của hai loại di vật tiêu biểu là rìu và bôn mài lưỡi. Công cụ xương đóng vai trò quan trọng trong đời sống cư dân đá mới vùng Hoa Nam .

Gốm sớm đã ra đời ở Nam Trung Quốc vào khoảng trên dưới 10.000 năm cách nay với đặc trưng là gốm thô văn thừng.

Ngoài những đặc trưng văn hoá vật chất nói trên, cư dân sơ kỳ đá mới Nam Trung Quốc thường chôn người chết trong nơi cư trú với nhiều táng thức như chôn nằm ngửa co chân tay, nằm nghiêng co chân tay, chôn nằm xấp, ngồi bó gối chôn lần hai (cải táng) và chôn hợp táng. Hoạt động kiếm sống của con

người, từ những hoạt động săn bắt đơn thuần trước đây bó hẹp trong những thung lũng karst là chủ yếu nay mở rộng ra vùng ven sông ven biển. Đã có sự phát triển nhanh chóng của hoạt động đánh bắt cá và các loài thủy sinh.

Trước đây, khi nghiên cứu những đặc trưng văn hoá buổi đầu thời đại đá mới ở Nam Trung Quốc, một số tác giả cho rằng có sự hiện diện của văn hoá Hoà Bình ở khu vực này (17; 25). Giờ đây, với khối lượng tư liệu ngày càng phong phú và với kết quả khảo sát trên thực tế tại Tầng Bì Nham, Lý Ngư Chuỷ, Hoàng Nham Động và một số địa điểm sơ kỳ đá mới khác ở Nam Trung Quốc, chúng tôi cho rằng, tuy có những điểm giống nhau về hình thức cư trú (cư trú hang động); về hình thức sinh hoạt kinh tế và đời sống (săn bắt, hái lượm và nông nghiệp sơ khai, những tập tục mai táng), nhưng dấu ấn của văn hoá Hoà Bình thể hiện qua các loại hình công cụ đặc trưng chưa được rõ nét trong các di tích sơ kỳ đá mới ở Nam Trung Quốc.

2- Trong giai đoạn sơ kỳ đá mới ở Việt Nam, giới khảo cổ học còn xác nhận sự hiện diện của văn hoá Bắc Sơn tồn tại trong khung niên đại từ 11.000 năm đến 6.000 năm cách ngày nay (2).

Hầu hết các địa điểm văn hoá Bắc Sơn phân bố trong vùng sơn khối đá vôi Bắc Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn, liền kề với khu vực Tây Nam Quảng Tây. Cư dân văn hoá Bắc Sơn sinh sống chủ yếu

trong các hang động hoặc mái đá. Hoạt động kiếm sống chủ yếu của họ là săn bắt hái lượm. Công cụ đá Bắc Sơn được chế tác từ nguồn cuội sông suối với loại hình di vật đặc trưng là rìu mài lưỡi (còn gọi rìu Bắc Sơn) và dấu Bắc Sơn.

Phân tích quy trình kỹ thuật chế tác rìu mài lưỡi Bắc Sơn cho thấy, cư dân cổ Bắc Sơn chế tác rìu mài lưỡi theo một quy trình khác với cư dân Nam Trung Quốc. Trong di chỉ Hoàng Nham Động, những chiếc rìu mài lưỡi kiểu Bắc xuất hiện khá phổ biến. Tiếc rằng những trường hợp như vậy vẫn còn ít.

Xét về mặt chế tác cuội thì kỹ thuật bổ tách cuội và kỹ thuật ghè dẽo chế tác công cụ kiểu Bắc Sơn cũng ít gặp trong các di tích sơ kỳ đá mới vùng Hoa Nam.

Trong tương quan giữa các vùng văn hoá đá cuội thì văn hoá Bắc Sơn có lẽ có ảnh hưởng trực tiếp và rõ nét hơn cả không những đối với ven biển hải đảo Đông Bắc Việt Nam mà cả với ven biển hải đảo Đông Nam Trung Quốc. "Dấu Bắc Sơn" cũng là di vật còn hiếm thấy ở Nam Trung Quốc. Ở Hồng Kông, dấu Bắc Sơn được tìm thấy cùng tập hợp rìu bôn có vai, có nấc (27). Loại rìu đá mài hình chữ nhật hai mặt lưỡi (tiết diện ngang hình bầu dục) khá phổ biến trong các di tích đá mới trung kỳ rất có thể có nguồn gốc từ rìu mài Bắc Sơn.

Đối với thời đại đá mới duyên hải và hải đảo Đông Nam Trung Quốc, giới nghiên cứu Trung Quốc cũng có xu

hướng nhìn nhận nguồn gốc của nó từ các di tích thuộc văn hoá đá cuội phân bố dọc theo chi lưu của các dòng sông đặc biệt là sông Tây Giang bắt nguồn từ Quảng Tây hay là Bắc Việt Nam.

Con đường phát triển văn hoá ra ven biển có thể diễn ra phong phú nhưng thường hay theo lưu vực các con sông. Từ phía Bắc và Đông Bắc Việt Nam có những dòng sông nhỏ Bằng Giang (Cao Bằng), Kỳ Cùng (Lạng Sơn) chảy theo hướng Đông Bắc nhập vào Tả Giang rồi đổ vào Tây Giang nhập vào Châu Giang và ra biển. Đó có thể là các dòng tải văn hoá, tham gia đóng góp hội nhập vào văn hoá đá mới lưu vực Tây Giang, Châu Giang sau đó lan toả ra ven biển và hải đảo Đông Nam Trung Quốc.

Phân tích đặc trưng và xu hướng phát triển của văn hoá kỹ nghệ cuội ghè Nam Trung Quốc trong buổi đầu thời đại đá mới, chúng tôi cho rằng tuy có những đặc trưng giống nhau về văn hoá cư trú, về văn hoá mai táng và hình thức sinh hoạt kinh tế và đời sống, nhưng đặc trưng cơ bản trong văn hoá cuội Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn thể hiện chưa được rõ nét trong các di tích sơ kỳ đá mới ở Nam Trung Quốc.

Nhà khảo cổ học Trung Quốc Trần Nãi Hán, trong công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa các văn hoá sơ kỳ đá mới và đá giữa ở vùng Lĩnh Nam, Trung Quốc với văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn đã nói đến sự gần gũi trong các

đặc trưng văn hoá giữa hai vùng, nhưng theo ông, các di tích sơ kỳ đá mới Nam Trung Quốc không phải là những di tích Hoà Bình thực sự, bởi thiếu những loại hình công cụ đặc trưng Hoà Bình, Bắc Sơn (4).

Đây chính là điều khiến chúng tôi rất băn khoăn, bởi xét dưới góc độ sinh thái, cảnh quan và môi trường khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam gần như đồng nhất với khu vực miền núi phía Nam Trung Quốc. Nói cách khác, đây là hệ sinh thái thống nhất, không biên giới. Về logic hình thức thì có thể xét đoán rằng, rất có nhiều khả năng tìm thấy các di tích dạng Hoà Bình, Bắc Sơn ở những miền giáp biên giới hai nước. Điều đáng tiếc là cho đến nay trong những tư liệu mà chúng tôi có được, thì những vùng trên vẫn là những điểm trắng trong sự hiểu biết của chúng tôi. Trước mắt, những tài liệu khảo cổ học Nam Trung Quốc cho thấy sự hiện diện của dòng kỹ nghệ “giống Hoà Bình” tồn tại khá phổ biến ở vùng Lưỡng Quảng.

Ở đây cũng cần làm rõ có những yếu tố văn hoá giống nhau là do điều kiện tự nhiên, hoặc do trình độ kỹ thuật quy định như cư trú trong hang động, sử dụng phổ biến nguyên liệu đá cuội gia công công cụ, có phương thức kiếm sống như nhau. Bên cạnh đó, có những yếu tố văn hoá chung khác được tạo bởi sự tiếp xúc xã hội như táng tục chôn cất người chết, kỹ thuật chế tác công cụ, những kỹ

năng kiếm sống, ý thức cộng đồng, cấu trúc xã hội cùng nhiều yếu tố văn hoá vật chất và phi vật chất mà ta chưa được biết.

Mặc dù với những tư liệu hiện có chưa cho chúng ta một hình ảnh rõ rệt nào về văn hoá Hoà Bình, Bắc Sơn ở Hoa Nam, nhưng điều có thể khẳng định là giữa cư dân văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn và các cư dân di tích sơ kỳ đá mới Nam Trung Quốc có mối liên hệ nhất định. Họ cùng nhau chia sẻ những nguồn lợi săn bắt, hái lượm từ những vực rừng rộng lớn và trao cho nhau những kinh nghiệm sống cần thiết, tạo nên phương thức sống Hoà Bình giống nhau. Sự tiếp xúc thường xuyên giữa các nhóm cư dân trên đã để lại trong gia tài văn hoá của họ những yếu tố văn hoá gần gũi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Quốc Hưng. 1994: *Bàn luận lại về văn hoá Bạch Liên Động*. Trung Nhật cổ nhân loại sử sử tiền văn hoá uyên nguyên quan hệ quốc tế học thuật nghiên thuật hội luận văn tập. Trung Quốc Quốc tế quảng bá xuất bản xã (Tiếng Trung)

2. Hà Hữu Nga. 2001: *Văn hoá Bắc Sơn*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Hoàng Khải Thiện (chủ biên) 2003: *Đồ đá cũ Bách Sắc*. Văn vật xuất bản xã. Bắc Kinh, 2003 (tiếng Trung).

4. Hà Nãi Hán (1991): *Sơ bộ bàn về mối quan hệ văn hoá giữa sơ kỳ đá mới, đá giữa ở khu Lĩnh Nam với văn hoá Hoà Bình, Bắc Sơn ở Việt Nam*. Kỷ niệm Hoàng Nham Động phát hiện tam thập chu niên tập văn luận. Quảng Châu, (tiếng Trung).

5. Hà Văn Tấn. 1990: *Ngườm, Lang Rongien và Bạch Liên Động*. Những phát hiện mới khảo cổ học 1990. Nxb Khoa học xã hội, tr.45-48

6. Hà Văn Tấn. 1994: *Hoà Bình ở Đông Nam Á: văn hóa, những văn hóa hay phức hợp kỹ thuật*. Khảo cổ học số 3, tr.2 – 6.

7. Hà Văn Tấn (chủ biên).1998: *Khảo cổ học Việt Nam*. Tập I. Thời đại đá Việt Nam. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

8. Hà Văn Tấn, Nguyễn Khắc Sử. 1978: *Văn hoá Sơn Vi, 10 năm sau khi phát hiện*. Khảo cổ học. số 4- 1978. tr. 37-50.

9. Hà Văn Tấn- Nguyễn Khắc Sử- Trinh Năng Chung.1999: *Văn hoá Sơn Vi*. Nxb KHXH, Hà Nội.

10. Hoàng Khải Thiện 2003: *Đồ đá cũ Bách Sắc*. Văn vật xuất bản xã, (tiếng Trung).

11. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên). 1989: *Văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam*. Nxb KHXH. Hà Nội

12. Hoàng Úy Văn 1991: *Những bằng chứng về hoạt động của con người thời kỳ sớm trong những lớp laterite ở Nam Trung Quốc*. Đệ tứ kỷ nghiên cứu. 4: 373-379 (Tiếng Trung).

13. Hoàng Úy Văn và cộng sự. 1988: *Vấn đề thời đại của đồ đá Bách Sắc*. Kỷ yếu kỷ niệm 30 năm phát hiện người hoá thạch Mã

Bá. Văn vật xuất bản xã, Peiking: 95-101 (Tiếng Trung).

14. Khâu Lập Thành. 1982: *Phát hiện di chỉ hang động thời đại đồ đá ở Độc Thạch Tử, Dương Xuân, Quảng Đông*. Khảo cổ, số 5: 546-549 (Tiếng Trung).

15. Lý Quang Châu 1984: *Văn hoá trước gốm ở công viên quốc gia Khẩn Đình và những vấn đề liên quan*. Tạp san khảo cổ nhân loại học trường Đại học quốc lập Đài Loan. (44) : tr 79- 147 (Tiếng Trung).

16. Lý Viêm Hiền -Vưu Ngọc Trụ. 1975: *Phát hiện đồ đá cũ cũ Bách Sắc Quảng Tây*. Động vật cổ có xương sống và người cổ. Quyển 13. Số 4.1975: 225-228 (Tiếng Trung).

17. Mathew J.M. 1964: *The Hoabinhian in Southeast Asia and elsewhere*. The Australian National University 1964.

18. Meacham.W. 1978: *Shamwan Lamma Island, an arrchaeological site study*. The Hong Kong Archaeological Society. The Hong Kong Museum of History.

19. Nguyễn Khắc Sử ,Trình Năng Chung...2000: *Hà Giang thời tiền sử*. Sở văn hoá thông tin tỉnh Hà Giang. Hà Giang.

20. Pei.W.C. 1935. *On a Mesolithic (?) industry of the caves of Kwangsi*. Bulletin of the Geological Society of China. vol. XIV, no.3.1935, pp.393-412.

21. Tạ Sùng An- Trương Tiểu Hoa. 1987: *Thử bàn về di tồn thời đại đá ở Bạch Liên Động và những vấn đề liên quan* . Nam Phương dân tộc khảo cổ. Số1: 161-169 (Tiếng Trung).

22. Tăng Tường Vượng. 1989: *Hoá thạch người và di tồn văn hoá ở hang Định Mộ,*

*Diễn Đông, Quảng Tây*. Khảo cổ và Văn vật số 4.1989: 1-6 (Tiếng Trung).

23. Tăng Tường Vượng 1996 : *Di tồn đá cũ phát hiện trên thềm sông cổ ở lưu vực sông Châu Giang, Quảng Đông*. Tạp san Bảo tàng tỉnh Quảng Đông. Nhà xuất bản Nhân dân Quảng Đông .1996: 10- 23 (Tiếng Trung).

24. Tống Phương Nghĩa.1991: *Tổng thuật về di chỉ Hoàng Nham Động ở huyện Phong Khai, Quảng Đông* . Trong Tập luận văn kỷ niệm 30 năm phát hiện Hoàng Nham Động, Quảng Châu, tr 1-12 (Tiếng Trung).

25. Trình Năng Chung. 1992 : *Đặc trưng văn hoá Hoà Bình trong sơ kỳ đá mới Nam Trung Quốc*. Khảo cổ học, số 2-1992: tr 81- 89.

26. Trình Năng Chung, Bùi Vinh 1996: *Phát hiện thêm một địa điểm đá cũ Hà Giang-Đôi điều suy nghĩ*. Những phát hiện mới khảo cổ học 1995. Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 58-60.

27. Tsui Yun- Chang, William Meacham. 1978: *Stone polished Artifacts in Shamwan, Lama island-An Archaeological site study*. Journal of the Hong Kong Archaeological Society III.

28. Viện Khảo cổ học Trung Quốc. 2003:*Di chỉ Tảng Bì Nham, Quế Lâm*. Nhà xuất bản Văn vật, Bắc Kinh (Tiếng Trung).

29. Vương Lệnh Hồng. 1982: *Phát hiện hoá thạch người cổ và đồ đá ở Bảo Tích Nham, Quế Lâm*". Nhân loại học học báo. số1 (1), tr. 30-35 (Tiếng Trung).

30. Zhang SenShui. 2000: *The epipaleolithic in China*. Journal of East Asian archaeology. Vol 2; 1-2.2000. pp.51-66